

Bản án số: 70/2025/HS-ST
Ngày 26-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tăng Minh Viên

Bà Thanh Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ NGUYỄN NGỌC L**, sinh năm 1993, tại Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT: 132/3 đường Bàu Bàng, phường T, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thanh T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Vợ: Trần Thị Lệ T1, sinh năm 1992, có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã vào ngày 30/4/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Bà Phạm Thị Minh H1 – Luật sư Văn phòng luật sư Hoàng Cúc, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Lệ H2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố Thiện Sơn, phường M, tỉnh L (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Ngô Văn Q sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố 3, phường H1, tỉnh L (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1972. Địa chỉ: 132/3 đường Bà Bàng, phường T, thành phố H (có mặt).

- **Người làm chứng:** Ông Mai Văn T2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố Thiện Sơn, phường M, tỉnh L (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2019, Lê Nguyễn Ngọc L (sinh năm 1993, trú ở số 132/3 đường Bà Bàng, phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh B) đến thành phố P, tỉnh B1 để kinh doanh gỗ. Do không có phương tiện đi lại nên Lâm đã thuê 01 chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest biển số 86A-094.57 của chị Nguyễn Thị Lệ H2 (sinh năm 1976, trú thôn Thiện Sơn, xã T1, thành phố P) làm phương tiện đi lại với giá 900.000 đồng/ngày, thỏa thuận 10 ngày thanh toán tiền một lần. Ngày 15/9/2019, anh Mai Văn T2 (được chị H2 giao quản lý xe) đã giao xe 86A-094.57 cho Lâm theo như hợp đồng đã ký kết. Do làm ăn thua lỗ nên Lê Nguyễn Ngọc L đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô lấy tiền tiêu xài. Lâm làm giả một hợp đồng mua bán xe ô tô với nội dung L đã mua xe ô tô 86A-094.57 của chị H2 với giá 400.000.000 đồng rồi giả chữ ký của chị H2 trong hợp đồng. Ngày 20/01/2020, Lâm cầm cố xe ô tô 86A-094.57 cho ông Ngô Văn Q (sinh 1976, trú khu phố 3, phường X, thành phố P) với số tiền 250.000.000 đồng; L giao cho ông Q một hợp đồng mua bán xe giả giữa L với bà H2 và viết giấy vay số tiền 250.000.000 đồng giao cho ông Q. L nói dối với ông Q là xe ô tô này L đã mua của chị H2 nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ông Q tin tưởng là thật nên đã đồng ý nhận cầm cố xe ô tô và giao cho L số tiền 250.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, L đã bỏ đi khỏi thành phố P, cắt liên lạc với bà H2. Bà Nguyễn Thị Lệ H2, ông Mai Văn T2 nhiều lần liên lạc với L nhưng không được, qua kiểm tra định vị thì phát hiện xe ô tô đang ở nhà ông Q, bà H2 đã trình báo Công an phường X thu giữ 01 xe ô tô biển số 86A-094.57, 01 giấy biên nhận vay tiền, 01 hợp đồng mua bán xe ô tô do ông Ngô Văn Q giao nộp; 01 hợp đồng cho thuê xe tự lái do Mai Văn T2 giao nộp. Đến ngày 30/4/2025, Lê Nguyễn Ngọc L bị bắt theo quyết định truy nã.

Kết luận định giá số 50/KL-HĐĐG ngày 20/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P, tỉnh B xác định giá trị xe ô tô hiệu Ford Everest là 889.600.000 đồng (*Tám trăm tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kết luận giám định số 581/KLGD-PC09 ngày 17/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: chữ viết tên Nguyễn Thị Lệ H2 trên hợp đồng mua bán xe không phải do bà H2 viết ra.

Kết luận giám định số 873/KL-KTHS ngày 26/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: vân tay trên giấy biên nhận vay tiền là của Lê Nguyễn Ngọc L.

Kết luận giám định số 872/KL-KTHS ngày 31/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận chữ viết tên Lê Nguyễn Ngọc L trên hợp đồng mua bán xe là do Lê Nguyễn Ngọc L viết ra.

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Lệ H2 01 xe ô tô biển số 86A-094.57; 01 giấy biên nhận vay tiền, 01 hợp đồng mua bán xe ô tô và 01 hợp đồng cho thuê xe tự lái được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị Lệ H2 đã nhận lại xe ô tô 86A-094.57 nên không yêu cầu bị can bồi thường gì thêm. Ông Ngô Văn Q yêu cầu bị can Lâm hoàn trả số tiền 250.000.000 đồng. Ngày 22/5/2025, bà Nguyễn Thị H3 là mẹ ruột bị can L đã bồi thường cho ông Q số tiền 10.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSBT-P1 ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh B (nay là Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng) để xét xử bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị hại bà Nguyễn Thị Lệ H2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 40.000.000 đồng tiền thất thu do xe không hoạt động được. Bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền trên cho người bị hại.

- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng: Điểm khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L từ 12 năm đến 14 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ.

Phản dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ H2 số tiền 40.000.000 đồng và trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 240.000.000 đồng.

- Bị cáo không tự bào chữa.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, vì lúc đầu bị cáo thuê xe mục đích để thuận tiện trong

việc kinh doanh nhưng do thời điểm năm 2020 xảy ra dịch bệnh Covid, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh doanh nên bị cáo mới làm liều lấy xe đi cầm cố. Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, kết luận định giá xác định thiệt hại là 889.600.000 đồng nhưng bị cáo đi cầm cố lấy số tiền chỉ có 250.000.000 đồng (nên số tiền thực tế bị cáo chiếm đoạt là 250.000.000 đồng). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với bị cáo, bị cáo đã được nhận đầy đủ Kết luận điều tra, Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo quyền được bào chữa. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bà Phạm Thị Minh H1 là luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi bài bào chữa cho bị cáo (kèm theo). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt luật sư bào chữa, nên căn cứ khoản 2 Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đối với ông Mai Văn T2, theo danh sách yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng đến phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B (nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng) xác định ông T2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối chiếu quy định tại Điều 65 và Điều 66 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tố tụng của ông Mai Văn T2 là người làm chứng. Tại phiên tòa, ông Mai Văn T2 vắng mặt nhưng có đơn xin xét

xử vắng mặt và trong quá trình điều tra đã có lời khai nên căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Ngày 15/9/2019, Lê Nguyễn Ngọc L đã thuê 01 chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest biển số 86A-094.57 của bà Nguyễn Thị Lệ H2 (sinh năm 1976, trú thôn Thiện Sơn, xã T1, thành phố P) làm phương tiện đi lại với giá 900.000 đồng/ngày, thỏa thuận 10 ngày thanh toán tiền một lần. Sau khi ký kết hợp đồng thuê xe, Lâm sử dụng xe ô tô đến ngày 20/01/2020 thì đem cầm cố cho ông Ngô Văn Q (sinh năm 1976, trú khu phố 3, phường X, thành phố P) với số tiền 250.000.000 đồng rồi bỏ trốn, đến ngày 30/4/2025 thì bị bắt theo lệnh truy nã.

Căn cứ Kết luận định giá số 50 ngày 20/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, tỉnh B xác định giá trị xe ô tô hiệu Ford Everest, biển số 86A-094.57 là 889.600.000 đồng (*Tám trăm tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B (nay là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng) truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên, là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật Hình sự. Với tuổi đời và trình độ học vấn của mình, bị cáo đủ khả năng nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, làm mất an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý bất an cho người dân.

[5] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường một nhỏ phần thiệt hại (bồi thường được 10.000.000 đồng trên tổng số tiền

phải bồi thường cho ông Ngô Văn Q là 250.000.000 đồng) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Trên cơ sở cân nhắc tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài đủ để trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; đồng thời giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật và đấu tranh chống tội phạm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc truy tố về hành vi, tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Quan điểm của Luật sư: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên được chấp nhận. Đối với quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*bồi thường thiệt hại*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để áp dụng, vì gia đình bị cáo mới bồi thường được một phần rất nhỏ thiệt hại do bị cáo gây ra nên chỉ có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cũng không có căn cứ để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự như đề nghị của Luật sư.

[9] Đối với ông Ngô Văn Q khi nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển số 86A-094.57 không biết Lê Nguyễn Ngọc L thuê của bà Nguyễn Thị Lệ H2 mang đến cầm cố nên hành vi của ông Ngô Văn Q không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] Về phần trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lệ H2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do mất thu nhập trong những ngày xe không hoạt động với số tiền là 40.000.000 đồng. Bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Lệ H2. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Ông Ngô Văn Q yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 250.000.000 đồng (tiền cầm cố chiếc xe nhưng đã bị thu hồi trả cho người bị hại); bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên cho ông Ngô Văn Q. Ngày 22/5/2025, bà Nguyễn Thị H3 (là mẹ của bị cáo) đã bồi thường cho ông Q số tiền 10.000.000 đồng; số tiền còn lại là 240.000.000 đồng buộc bị cáo phải tiếp tục trả lại cho ông Ngô Văn Q.

[11] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 175; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- *Tuyên bố:* Bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- *Xử phạt:* Bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L 13 (*mười ba*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 30/4/2025.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lệ H2 số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tiền thu nhập bị mất trong những ngày xe không hoạt động được.

Buộc bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L phải trả lại cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) tiền Lâm nhận từ việc cầm cố xe nhưng xe đã bị thu hồi trả cho bị hại.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Nguyễn Ngọc L phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- PV06, PC01, Trại tạm giam số 3-CA tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Hòa